

Số: 237 /BC-UBND

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

**Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử
Quý III/2022 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý III/2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Không có.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Không có.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành: 14 Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính, trong đó 21 thủ tục ban hành mới, 50 thủ tục sửa đổi, bổ sung, 14 thủ tục bãi bỏ. UBND tỉnh Khánh Hòa đã tích hợp và công khai toàn bộ thủ tục hành chính còn hiệu lực trên cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính theo đúng quy định.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.03b/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ)

- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được thực hiện công khai tại trụ sở và trên Cổng



thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Dịch vụ công của tỉnh và trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không có.
- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của địa phương: 1.785; trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định là 1.767; số TTHC do địa phương quy định là 18 (8 cấp tỉnh, 10 cấp huyện).
- UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành 12 Quyết định phê duyệt 179 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt, các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định (2.203 quy trình đã được cập nhật trên hanhchinhcong.khanhhoa.gov.vn/dichvucong.khanhhoa.gov.vn).

4. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát 130/130 thủ tục hành chính và có Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 08/9/2022 đề xuất 04 phương án đơn giản hóa đối với 08 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, đề xuất bổ sung 02 phương án đơn giản hóa đối với 02 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

- Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Sử dụng thiết bị X – quang trong chẩn đoán y tế) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ:

+ Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị.

Lý do: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị”. Tài liệu nhà sản xuất thường được hãng thiết bị (hoặc các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế)

chuyển giao kèm theo thiết bị trong các giao dịch mua bán thiết bị. Và theo quy định thì các tài liệu đi kèm với thiết bị phải được lưu giữ cẩn thận trong suốt quá trình sử dụng thiết bị.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC thì không cần phải nộp thành phần hồ sơ Tài liệu nhà sản xuất. Vì việc xác định các thông số thiết bị đã có Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng thiết bị (kèm theo Báo cáo đánh giá chất lượng và biên bản kiểm tra). Bên cạnh đó, việc thẩm định tài liệu nhà sản xuất (hoặc các chứng nhận chất lượng, chứng nhận xuất xứ) có thể được kiểm tra tại chỗ trong quá trình thẩm định điều kiện cấp giấy phép tại trụ sở của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

Vậy, khi tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Sử dụng thiết bị X – quang trong chẩn đoán y tế) không cần thiết phải nộp thêm Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.

+ Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 39.706.500 đồng/năm

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 37.476.500 đồng/năm.

Chi phí tiết kiệm: 2.230.000 đồng/năm.

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001283); cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001261); cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001270) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

+ Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị cắt giảm Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực. Lý do: Chỉ cần điều chỉnh thêm thông tin hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực vào đơn đề nghị cấp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ có trách nhiệm điền chính xác thông tin vào đơn, khi tiến hành thẩm định chuyên viên Phòng chuyên môn sẽ đối chiếu bản chính.

+ Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 442.875.000 đồng/năm.

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 371.000.000 đồng/năm.

Chi phí tiết kiệm: 71.875.000 đồng/năm.

- Tổng số thủ tục hành chính đề xuất phương án đơn giản hóa là 10. Tổng số tiền tiết kiệm dự tính là 79.967.236 đồng/năm. Tỷ lệ tiết kiệm chi phí là 16,06%.

5. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị Công Dịch vụ công quốc gia: 42, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 39; số từ kỳ trước chuyển qua: 3; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 42.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 35; trong đó số phản ánh, kiến nghị đã được đăng tải công khai kết quả xử lý: 35.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 7 trong hạn, 0 quá hạn.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.05b/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ)

6. Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 188.889, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 163.776 (trực tuyến: 65.155; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 98.621); số từ kỳ trước chuyển qua: 25.113. Tỷ lệ quá hạn là 1,93%; tỷ lệ trực tuyến là 34,49%.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 169.711; trong đó, giải quyết trước và đúng hạn: 166.548, quá hạn: 3.163.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 19.178; trong đó, trong hạn: 18.690, quá hạn: 488.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.06c/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống báo cáo)

- Trong kỳ báo cáo, đã phát sinh 13.810 lượt giao dịch trên Công Dịch vụ công tỉnh. Tổng số tiền đã thanh toán (phí, lệ phí) trên Công Dịch vụ công tỉnh là 845.943.000 đồng.

- Trong kỳ báo cáo đã phát sinh 13.340 lượt giao dịch trên Công Dịch vụ công quốc gia. Tổng số tiền đã thanh toán (thuế, phí, lệ phí) trên Công Dịch vụ công quốc gia là 73.006.509.626 đồng.

- Hệ thống tin nhắn tự động SMS (với 31 tình huống tin nhắn) đã gửi 313.386 tin nhắn đến điện thoại di động của khách hàng, cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin mà cơ quan hành chính muốn gửi đến tổ chức, cá nhân trong suốt quá trình giải quyết TTHC, giúp giảm phiền hà, giảm thời gian và chi phí đi lại cho khách hàng, góp phần nâng cao sự hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

7.1. Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ

UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ về một cửa, một cửa liên thông theo quy định. Trọng tâm là rà soát, kiện toàn Bộ phận Một cửa các cấp; rà soát, hoàn thiện tiện ích, chức năng của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

7.2. Tình hình, kết quả đề xuất các thủ tục hành chính thực hiện liên thông (nếu có)

- Các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 12199/KH-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thực hiện liên thông thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí.

- Hiện các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện liên thông theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 về ban hành Quy chế giải quyết liên thông các thủ tục hành chính theo Đề án; Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 về việc công bố 04 thủ tục hành chính liên thông về lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 về việc công bố 02 thủ tục hành chính liên thông về lĩnh vực hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

7.3. Về kết quả thực hiện “4 tại chỗ” tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, huyện

- Từ thực tế triển khai, UBND tỉnh Khánh Hòa nhận thấy yêu cầu này chỉ phù hợp, hiệu quả với các thủ tục như chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm mới thực hiện được tất cả các khâu từ tiếp nhận, xem xét, thẩm định, phê duyệt hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.

- Bên cạnh đó, chủ trương chung hiện nay là giảm số lượng cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cấp phó. Do đó, việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý để trực thường xuyên tại Bộ phận Một cửa để tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả TTHC là rất khó khăn. Do đó, kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, nghiên cứu, đánh giá để điều chỉnh cho phù hợp.

- Tổng số quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành là 2.203, trong đó cấp tỉnh là 1.673, cấp huyện là 317, cấp xã là 213.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.7b/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ)

7.4. Đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, trong quý III/2022, 100% cán bộ, công chức, viên chức làm tại Bộ phận Một cửa các cấp đều hoàn thành 100% nhiệm vụ.

7.5. Về triển khai đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh

- UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Kế hoạch số 5283/KH-UBND ngày 16/6/2021 triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện: Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối tích hợp chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa tỉnh; triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (1) Giấy tờ trong thành phần hồ sơ mà cá nhân, tổ chức nộp là kết quả giải quyết của thủ tục hành chính trước đó; (2) Kết quả xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; (3) Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính; lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính; mở rộng việc tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính; đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ; đổi mới nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa.

- Về kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện kể từ năm 2016 tại Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 29/8/2016 về đẩy mạnh công tác CCHC tỉnh giai đoạn 2016-2020; qua các năm triển khai thực hiện đã đi vào nề nếp và đạt hiệu quả rất cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021

của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

UBND tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện nâng cấp hệ thống bước đầu đáp ứng yêu cầu số hóa, đã có kho kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh (khodulieu.hanhchinhcong.khanhhoa.gov.vn). Theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả TTHC điện tử của Khánh Hòa là hơn 70%.

Hồ sơ TTHC của tỉnh đã được số hóa nhưng chủ yếu mới chỉ dừng ở mức chuyển từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử tại giai đoạn tiếp nhận hồ sơ, mà chưa thực hiện đầy đủ quy trình số hóa tại giai đoạn xử lý, trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP. Từ 01/8/2022 đến 14/9/2022, đã có 5.926 hồ sơ (cả 3 cấp) thực hiện đầy đủ quy trình số hóa, trả kết quả (ký số hồ sơ đầu vào, ký số kết quả đầu ra, nhập dữ liệu đặc tả, lưu kho dữ liệu) theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

7.6. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến thiết yếu sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

- UBND tỉnh Khánh Hòa đã hoàn thành kiểm thử kết nối thành công 03 dịch vụ (xác nhận số định danh cá nhân và chứng minh nhân dân, xác thực thông tin hộ gia đình, tra cứu thông tin công dân) với dữ liệu mẫu trên môi trường thử nghiệm. UBND tỉnh Khánh Hòa đang chờ Bộ Công an tổ chức kiểm tra, đánh giá trực tiếp các hệ thống thông tin của tỉnh có kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên môi trường chính thức.

- UBND tỉnh Khánh Hòa đã tích hợp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục số 9, 10, 11, 15, 19, 20, 22 phụ lục I Quyết định số 06/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục số 16 phụ lục I Quyết định số 06/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, chưa tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia vì chưa có mã số TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính (chưa có Quyết định công bố thủ tục hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ). Đối với các thủ tục hành chính còn lại, UBND tỉnh sẽ triển khai thực hiện sau khi có hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ theo Văn bản số 856/VPCP-KSTT ngày 09/02/2022 của Văn phòng Chính phủ.

- UBND tỉnh Khánh Hòa đã giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, cấp phiếu lý lịch tư pháp theo hướng dẫn tái cấu trúc quy trình của Bộ Tư pháp. Đối với các lĩnh vực còn lại, các bộ và cơ quan ngang bộ chưa có hướng dẫn cụ thể cho các địa phương triển khai tái cấu trúc quy

trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử và Văn bản số 2995/VPCP-KSTT ngày 16/4/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, UBND tỉnh Khánh Hòa tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương: Quán triệt, tổ chức thi hành Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đến từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tuân thủ theo quy trình được quy định tại Chương II Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, làm rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và các hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ chuyên ngành để phản hồi cho tổ chức, cá nhân, bảo đảm việc phân công khoa học, các nội dung phản hồi chính xác, đúng thời hạn; chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao từ bản chính hoặc kiểm tra, xác thực kết quả chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; tiếp nhận, giải quyết trực tuyến dịch vụ công chứng thực bản sao từ bản chính theo đúng quy định. Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết 3.779 hồ sơ chứng thực điện tử theo quy định.

- UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Kế hoạch số 13721/KH-UBND ngày 30/12/2020 triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Theo đó, xác định rõ giải pháp và thời gian hoàn thiện các chức năng liên quan trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và các giải pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; xây dựng Bộ phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết TTHC với các chức năng nghiệp vụ khoa học, đầy đủ, dễ sử dụng, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và các hệ thống chuyên ngành, làm tiền đề thuận lợi cho việc số hóa kết quả giải quyết TTHC, phát huy có hiệu quả việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. 100% hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được số hóa và lưu trữ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh theo quy định. UBND tỉnh Khánh Hòa tiếp tục nâng cấp hoàn thiện Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021.

Đến nay, trên 19.300.000 kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đã được rà soát (12% kết quả đã có bản điện tử, 78% còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu số hóa, phần còn lại là các kết quả ở định dạng đặc thù khó thực hiện số hóa, thời hạn hiệu lực ngắn hoặc chưa đáp ứng các điều kiện để thực hiện số hóa). UBND tỉnh tiếp

tục triển khai xây dựng Kho quản lý dữ liệu kết quả giải quyết TTHC điện tử và các chức năng liên quan đến công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết TTHC trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh theo quy định.

- Đề khuyến khích, đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến, tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 28/07/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết ngày 14/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: Trong đó mức thu lệ phí đối với các giao dịch trực tuyến mức độ 3, 4 bằng 50% mức thu giao dịch trực tiếp; Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: Trong đó mức thu phí, lệ phí đối với các giao dịch trực tuyến mức độ 3, 4 bằng 80% mức thu giao dịch trực tiếp.

- Tình hình tích hợp dịch vụ công của UBND tỉnh Khánh Hòa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

Trong quý III/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa đã hoàn thành quy trình khai báo, kiểm thử việc cung cấp 37 dịch vụ công trực tuyến; đã hoàn thành tích hợp, cung cấp 28 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.8/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống báo cáo)

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC (Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC)

Công tác truyền thông luôn được tỉnh quan tâm, triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung chuyển tải những trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác CCHC; hướng đến thống nhất nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC, các dịch vụ công trực tuyến bằng hình thức trực quan, trên công/trang thông tin điện tử, thông qua các hội nghị, hội thảo, đối thoại, báo, đài,... Thống nhất tuyên truyền trực quan tại Bộ phận Một cửa các khẩu hiệu: “Sự hài lòng của Nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”; “Dân chủ, nhanh gọn, đúng luật”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để góp phần phòng, chống Covid-19”;...

UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Công văn số 4003/UBND-KSTT ngày 06/5/2022 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai sử dụng bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa các cấp và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh từ tháng 6 năm 2022.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC: Không

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Hoạt động kiểm tra công tác kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính được thực hiện lồng ghép trong Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hằng năm của tỉnh; tổng hợp, báo cáo vào báo cáo định kỳ hàng năm gửi Văn phòng Chính phủ. UBND tỉnh Khánh Hòa đang tổ chức kiểm tra cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2022 theo Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 27/4/2022.

12. Nội dung khác: Không có.

II. Đánh giá chung

Trong Quý III/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

1. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Khánh Hòa nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Một số bộ, ngành công khai thủ tục hành chính kèm Quyết định công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc công bố danh mục và tích hợp, công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Khó khăn:

- Một số bộ, ngành cập nhật Quyết định công bố thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia chưa kịp thời; hoặc cập nhật thiếu dữ liệu thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia; hoặc cập nhật mã số thủ tục hành chính mới bãi bỏ mã

số đã công khai trên cơ sở dữ liệu mà không có Quyết định công bố TTHC kèm theo.

- Việc công bố thủ tục hành chính của một số bộ, ngành Trung ương còn nhiều bất cập; nhiều văn bản pháp luật đã có hiệu lực thi hành nhưng các bộ, ngành Trung ương không kịp thời công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thủ tục hành chính gây khó khăn, lúng túng cho các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; nội dung, thành phần thủ tục hành chính được công bố không đầy đủ theo quy định, có thủ tục không quy định thời gian thực hiện cụ thể, thành phần hồ sơ không quy định... gây khó khăn cho các địa phương trong công tác triển khai thực hiện, nhất là đối với việc xây dựng quy trình nội bộ để thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử.

- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của liên bộ: Tư pháp - Công an - Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (Thông tư), có hiệu lực từ ngày 01/07/2015. Quá trình triển khai thực hiện cho thấy, mô hình một cửa liên thông đã có hiệu quả tích cực trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về dân cư; tạo điều kiện thuận lợi, giảm tối đa chi phí hành chính và thời gian đi lại cho người dân, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm, ý thức tận tâm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ ban hành Thông tư đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ... dẫn đến nội dung của các quy định tại Thông tư không còn phù hợp, phát sinh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện (không công bố được danh mục thủ tục hành chính, không xây dựng được quy trình nội bộ theo quy định về kiểm soát TTHC, quy định về một cửa, một cửa liên thông...).

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện các giao dịch hồ sơ thủ tục hành chính mặc dù đã có sự chuyển biến rõ nét trong thời gian gần đây nhưng hiệu quả vẫn còn chưa cao, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tiếp vẫn chiếm đa số trong tổng số lượng hồ sơ giao dịch.

- Việc kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chưa đồng bộ dẫn đến người dân vẫn phải thực hiện xác nhận thông tin về cư trú để thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

- Việc kết nối phần mềm chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải (hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến vận tải đường bộ) với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh gặp khó khăn vì hệ thống của bộ vẫn chưa hoàn thành kết nối với trực liên thông NGSP dẫn đến chưa cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật để phục vụ cho việc kết nối, tích hợp 2 hệ thống.

- Công tác phối hợp giữa đội hỗ trợ Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công tỉnh đôi lúc còn chưa đồng bộ, kịp thời dẫn đến chậm trễ trong việc xử lý các vướng mắc của tổ chức, cá nhân khi thanh toán trực tuyến thủ tục đất đai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

III. Phương hướng nhiệm vụ kỳ tiếp theo

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

Rà soát, xây dựng Cổng dịch vụ công cấp tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh Khánh Hòa có một số đề xuất, kiến nghị sau:

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các bộ, ngành Trung ương chuẩn hóa và cập nhật đầy đủ các TTHC lên cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các tính năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công các bộ, ngành, địa phương để bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, nên có quy định hạn chế việc phát triển, nâng cấp các nền tảng riêng liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để tránh lãng phí, chồng chéo; sớm hướng dẫn địa phương tạo lập, sử dụng danh mục dùng chung của Cổng Dịch vụ công quốc gia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; ban hành bộ chỉ số đánh giá, giám sát đo lường chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp chức năng đánh giá thống nhất toàn quốc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh; hướng dẫn các địa phương thực hiện theo quy định.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông sớm hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan như: Quy định mẫu kết quả thủ tục hành chính điện tử (theo các văn bản pháp luật chuyên ngành

tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư); hướng dẫn việc cấp bản sao điện tử từ sổ gốc theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; hướng dẫn công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ cần sớm đánh mã thành phần hồ sơ đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực trong cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; sớm ban hành biểu mẫu kết quả thủ tục hành chính điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; sớm ban hành danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành, quy định bổ sung các trường dữ liệu thông tin phải nhập (ngoài 6 trường tối thiểu theo quy định) để phục vụ chia sẻ, tái sử dụng giữa các hệ thống của tỉnh và của trung ương.

- Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu triển khai biểu mẫu thành phần hồ sơ điện tử trong cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn cụ thể về định mức chi thuê doanh nghiệp bưu chính công ích thực hiện hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa, trả kết quả TTHC để địa phương thực hiện chuyển giao một số nhiệm vụ cho bưu chính công ích theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp, có ý kiến với các bộ, ngành Trung ương công bố TTHC liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; công bố TTHC liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí để địa phương có cơ sở công bố danh mục thủ tục hành chính và tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp, có ý kiến với các bộ, ngành Trung ương (có liên quan đến 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ) sớm hướng dẫn địa phương tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính trong ba năm gần nhất không phát sinh hồ sơ hoặc phát sinh dưới 100 hồ sơ/năm để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; không để lãng phí tài nguyên xây dựng hệ thống cung cấp.

- Đối với thanh toán trực tuyến thủ tục đất đai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: Đề nghị Văn phòng Chính phủ có hướng dẫn cụ thể, thống nhất quy trình phối

hợp giữa các cơ quan liên quan (cơ quan thuế, Cổng Dịch vụ công các địa phương, trung gian thanh toán, ngân hàng, kho bạc nhà nước) trong việc hoàn thuế hoặc hoàn tiền cho cá nhân, thông báo hạn mức thanh toán của trung gian thanh toán cho Cổng Dịch vụ công các địa phương; xây dựng chức năng để phối hợp xử lý, giải quyết vướng mắc trên hệ thống quantri.dichvucong.gov.vn; sớm xây dựng, cung cấp chức năng thanh toán trực tuyến đất cho tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hiện nay, Bộ Nội vụ yêu cầu tỉnh thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ trên hệ thống báo cáo của Bộ Nội vụ. Theo đó, nhiều nội dung trùng lặp với chế độ báo cáo của Thông tư số 01/2020/TT-VPCP (cải cách thủ tục hành chính, một cửa, một cửa liên thông, văn bản điện tử, nhắc việc của Chính phủ...). Đồng thời, Hệ thống báo cáo của Bộ Nội vụ chỉ cung cấp tài khoản tới UBND cấp tỉnh, không cung cấp tới các đơn vị nhập liệu (sở, huyện, xã) theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; thời hạn báo cáo khác nhau (báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo Văn phòng Chính phủ trước ngày 22 tháng cuối quý) dẫn đến khó khăn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổng hợp, báo cáo số liệu. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy (bc);
- TT HĐND tỉnh (bc);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, LH, DL.



Nguyễn Tấn Tuấn

Biểu số II.03b/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý III/2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG:

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Thanh tra tỉnh	2	-	12	6	0	6	6	6	-
2.	Sở Tư pháp	1	-	14	0	14	0	14	0	-
3.	Sở Xây dựng	1	-	1	1	0	0	1	0	-
4.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	-	4	0	4	0	4	0	-
5.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2		7	5	2	0	7	0	-
6.	Sở Khoa học và Công nghệ	4		12	0	7	5	7	5	-
7.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2	-	27	9	15	3	24	3	-
8.	Sở Du lịch	1	-	8	0	8	0	8	0	-
	TỔNG CỘNG	14		85	21	50	14	71	14	-

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	TỔNG CỘNG	0	0	0	0	0	0	0	0	-

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương là 1.785; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định là 1.767; số TTHC do địa phương quy định là 18 (8 cấp tỉnh, 10 cấp huyện);

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH,
KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ
HÀNH VI HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III/2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN								Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý				
							Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính	
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ		Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)= (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10) =(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)
1	PAKN tiếp nhận theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	10	6	4	0	10	9	5	4	0	9	1	1	0	8 công khai trên Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.
2	PAKN tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị quốc gia.	42	42	0	3	39	35	35	0	0	35	7	7	0	35 công khai trên hệ thống quốc gia.

Biểu số II.06c/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI KHÁNH HÒA
(QUÝ/NĂM)**

Kỳ báo cáo: Quý III/2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

Đơn vị b/cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận b/cáo:
Văn phòng Chính phủ

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	188.889	65.155	98.621	25.113	169.711	140.081	26.467	3.163	19.178	18.690	488
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Tỉnh	105.946	35.959	52.831	17.156	95.088	72.442	19.950	2.696	10.858	10.581	277
1	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	2	1	1	0	1	1	0	0	1	1	0
2	Tổng hợp (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	6.434	4.234	1.879	321	6.113	5.584	497	32	321	306	15
3	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	18	14	0	4	17	17	0	0	1	1	0
4	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	18	0	15	3	18	18	0	0	0	0	0
6	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	104	93	0	11	94	94	0	0	10	10	0
7	Bán đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0

8	Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	14	5	9	0	11	11	0	0	3	3	0
9	Biển và hải đảo (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	2	0	1	1	1	1	0	0	1	1	0
10	Bưu chính (Bộ Thông tin và Truyền thông)	3	2	1	0	3	3	0	0	0	0	0
11	Cấp hộ chiếu, giấy thông hành, công hàm đề nghị cấp thị thực (Bộ Ngoại giao)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
12	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự (Bộ Ngoại giao)	35	0	32	3	32	31	1	0	3	3	0
14	Công chứng (Bộ Tư pháp)	22	0	18	4	22	22	0	0	0	0	0
15	Công nghiệp nặng (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Công tác dân tộc (Ủy ban Dân tộc)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Đăng kiểm (Bộ Giao thông vận tải)	10	9	1	0	10	10	0	0	0	0	0
18	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	10.134	6.748	3.235	151	10.053	7.348	2.691	14	81	77	4
19	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	58.166	11.071	33.895	13.200	50.799	42.100	6.064	2.635	7.367	7.168	199
20	Đấu thầu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0
21	Đầu tư tại Việt nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	57	0	49	8	41	36	5	0	16	16	0

22	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
23	Địa chất và khoáng sản (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	54	0	16	38	12	9	1	2	42	38	4
24	Dịch vụ du lịch khác (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
25	Dịch vụ thương mại (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Điện ảnh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	5	5	0	0	5	5	0	0	0	0	0
28	Dược phẩm (Bộ Y tế)	307	65	67	175	228	227	1	0	79	79	0
29	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	4.111	2.578	762	771	3.397	3.043	353	1	714	668	46
30	Đường thủy nội địa (Bộ Giao thông vận tải)	75	13	33	29	47	31	16	0	28	28	0
31	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Giám định y khoa (Bộ Y tế)	184	0	108	76	160	160	0	0	24	24	0
35	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	10	9	0	1	9	9	0	0	1	1	0
36	Giáo dục Trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	102	54	48	0	100	59	41	0	2	2	0

37	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	8	7	0	1	5	5	0	0	3	3	0
38	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	256	202	53	1	253	168	85	0	3	3	0
39	Hóa chất (Bộ Công Thương)	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
40	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	11	4	7	0	11	11	0	0	0	0	0
41	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
42	Karaoke, Vũ trường (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
45	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	5	0	5	0	4	4	0	0	1	1	0
46	Lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
47	Luật sư (Bộ Tư pháp)	4	0	4	0	4	4	0	0	0	0	0
48	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	25	1	16	8	25	24	1	0	0	0	0
49	Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp)	4.298	1.504	2.038	756	3.524	3.483	41	0	774	774	0
50	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	16	0	12	4	5	4	0	1	11	11	0
51	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	26	26	0	0	26	26	0	0	0	0	0



52	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Năng lượng (Bộ Công Thương)	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0
54	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	2	0	1	1	2	2	0	0	0	0	0
55	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	4.235	0	4.235	0	4.235	0	4.235	0	0	0	0
56	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
57	Nhập khẩu văn hoá phẩm nhằm mục đích kinh doanh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông)	6	6	0	0	6	6	0	0	0	0	0
59	Quản lý Cạnh tranh (Bộ Công Thương)	9	3	6	0	8	6	2	0	1	1	0
60	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	121	22	99	0	103	102	0	1	18	18	0
61	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	26	0	26	0	26	26	0	0	0	0	0
62	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	2	1	0	1	2	2	0	0	0	0	0
63	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	211	9	131	71	182	138	38	6	29	29	0

64	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	8	8	0	0	6	6	0	0	2	2	0
65	Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
66	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
67	Quy chế thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	4	4	0	0	4	4	0	0	0	0	0
68	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	20	0	17	3	15	8	6	1	5	4	1
69	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
70	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	31	0	7	24	6	5	0	1	25	23	2
71	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2.367	67	2.046	254	2.252	0	2.252	0	115	115	0
72	Thẻ dực thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	21	6	12	3	18	18	0	0	3	3	0
73	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	43	0	38	5	36	36	0	0	7	7	0
74	Thư viện (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
75	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	1.962	1.943	19	0	1.958	1.958	0	0	4	4	0
76	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0

77	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	6	0	6	0	1	1	0	0	5	2	3
78	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	426	156	270	0	400	400	0	0	26	23	3
79	Tiền lương (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	26	17	8	1	24	21	3	0	2	2	0
80	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
81	Tin học - Thống kê (Bộ Tài chính)	433	433	0	0	433	0	433	0	0	0	0
82	Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ)	12	0	5	7	9	9	0	0	3	3	0
83	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	9	6	0	3	8	8	0	0	1	1	0
84	Trang thiết bị và công trình y tế (Bộ Y tế)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
85	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	258	206	28	24	243	201	42	0	15	15	0
86	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	19	19	0	0	19	19	0	0	0	0	0
87	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công Thương)	16	9	7	0	12	11	1	0	4	4	0
88	Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
89	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	4.457	242	3.047	1.168	3.382	246	3.135	1	1.075	1.075	0
90	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông)	26	2	24	0	26	26	0	0	0	0	0

[illegible]

7	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	809	4	805	0	809	706	103	0	0	0	0
9	Công tác dân tộc (Ủy ban Dân tộc)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	6.321	1.494	1.460	3.367	2.713	2.435	101	177	3.608	3.483	125
11	Địa chất và khoáng sản (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	131	99	18	14	118	19	98	1	13	13	0
13	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Giáo dục Dân tộc (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Giáo dục Tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Giáo dục Trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	7	6	1	0	7	7	0	0	0	0	0

[illegible]

33	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông)	7	7	0	0	7	7	0	0	0	0	0
34	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	11	0	8	3	11	11	0	0	0	0	0
38	Quản lý hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	1.374	870	131	373	1.190	381	798	11	184	184	0
39	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Quy chế thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	74	0	28	46	74	74	0	0	0	0	0
41	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0
43	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	6	0	6	0	6	1	5	0	0	0	0
44	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2.348	1.171	1.071	106	2.274	1.076	1.194	4	74	74	0

[illegible]

III	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Xã	70.188	24.631	41.689	3.868	65.888	61.557	4.068	263	4.300	4.214	86
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	30.095	21.088	7.182	1.825	28.038	25.808	2.118	112	2.057	2.042	15
2	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	788	293	495	0	748	692	56	0	40	40	0
3	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	4.342	2.467	1.275	600	3.711	3.540	164	7	631	631	0
5	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	30.680	1	30.507	172	30.626	29.052	1.535	39	54	50	4
6	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	141	0	130	11	138	131	7	0	3	3	0
7	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	2.536	439	867	1.230	1.114	835	181	98	1.422	1.356	66
8	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	5	0	4	1	5	5	0	0	0	0	0
11	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	13	1	8	4	12	11	1	0	1	1	0
12	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	24	3	5	16	20	16	4	0	4	3	1

14	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	12	0	10	2	8	8	0	0	4	4	0
15	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
16	Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	2	0	2	0	1	1	0	0	1	1	0
17	Quản lý doanh nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	5	0	5	0	5	0	0	5	0	0	0
18	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
19	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	96	49	43	4	95	93	2	0	1	1	0
20	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
21	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.348	227	1.121	0	1.276	1.276	0	0	72	72	0
22	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	5	0	4	1	5	4	0	1	0	0	0
23	Hộ tịch - Đăng ký, quản lý cư trú - Tài chính y tế (Bộ Tư pháp)	85	63	20	2	75	74	0	1	10	10	0
24	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	4	0	4	0	4	4	0	0	0	0	0

Biểu số IL.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III/2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)+(14)	(12)	(13)	(14)
1	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh (tính cả TTHC áp dụng nhiều cấp)	1.885	1.429	302	154	1.885	1.429	302	154	2.203	1.673	317	213
TỔNG CỘNG		Tổng số TTHC theo cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC: 1.785. Trong đó, 1.229 TTHC cấp tỉnh, 212 TTHC cấp huyện, 93 TTHC cấp xã, 251 TTHC áp dụng nhiều cấp.											

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lĩnh vực chứng thực	0	0	4/12	33%
2	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	9/9	100%	4/4	100%
TỔNG CỘNG		9		8	



Biểu số IL.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III/2022
(Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2022)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
B	DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
I	Cấp tỉnh, huyện, xã	0	24	1.579	0	4	9	16

Ghi chú: Phần tích hợp chỉ tính dịch vụ công có phát sinh hồ sơ.